TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:78/2017/DS-PT
Ngày: 21/9/2017
V/v:*"Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Bá Sơn**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Thanh Long**

Ông **Phạm Việt Cường**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy Kiều**, cán bộ Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông **Nguyễn Xuân Vinh**, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 21 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 89/2017/TLPT-DS ngày 18 tháng 8 năm 2017 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2017/DS-ST ngày 09 tháng 06 năm 2017 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 89/2017/QĐ-PT ngày 11 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Hậu Đ. Có mặt.

Đăng ký hộ khẩu tại: Tổ X, Phường B, Tp. H, tỉnh Hà Tĩnh.

Tạm trú tại: Thôn T, xã Th, Tp. H, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị C và ông Trần Minh L.

Trú tại: Tổ X, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Bà C có mặt, ông L vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Phan Huy K và bà Trần Thị Thanh T. Trú tại: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Đều có mặt.

3.2. Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ: 45 Nguyễn Tất Thành, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Châu Văn L1 - Chức vụ: Phó Chủ tịch (Theo Văn bản ủy quyền số 07/GUQ-UBND ngày 14/7/2017). Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk:

- Ông Trần Minh T1 - Chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Ông Lê Minh T2 - Chức vụ: Giám đốc chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20/6/2008, đơn khởi kiện bổ sung ngày 27/4/2011 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trần Hậu Đ trình bày:

Năm 1992 ông Đ nhận chuyển nhượng của ông Đoàn Hữu Th và bà Trần Thị Gái diện tích đất khoảng 9.000m^2. Trên đất đã có 700 cây cà phê trồng năm 1988, 1989, 1990 và 01 giếng nước đào không xây thành, 01 nhà gỗ 03 gian, lợp tranh, sân phơi nền đất và cây ăn quả là mít, bơ. Đầu tháng 3/1992 ông Đ nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Đ1 và bà Võ Thị Quang Tr diện tích khoảng 9.000m^2, trên đất có 700 cây cà phê trồng năm 1988, 1989, 1990, có nhà ở gỗ 03 gian, lợp tranh nền đất, 01 giếng nước đào không xây thành và cây ăn trái như mít, bơ. Trong hai thửa đất có một phần đất trống nhưng đã khai hoang. Năm 1993 trồng thêm 400 cây cà phê. Cuối tháng 8/1992 ông Đ cho bà Trần Thị C (chị ruột) và ông Trần Minh L (anh rể) vào ở và canh tác trên diện tích đất nói trên khoảng l,8 ha, ông Đ khẳng định là cho vợ chồng bà C ở chứ không chuyển nhượng. Đến tháng 4/1994 ông Đ đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài đến năm 2002 thì về nước. Đến năm 2007 ông Đ biết việc vợ chồng bà C chuyển nhượng diện tích đất rẫy mà ông nhận chuyển nhượng của ông Đ1 và bà Tr cho con là Phan Huy K và Trần Thị

Thanh T. Sau khi được bố mẹ chuyển nhượng thì bà T, ông K được UBND huyện K cấp GCNQSDĐ số AC486778 mang tên Phan Huy K và Trần Thị Thanh T.

Sau khi biết việc vợ chồng bà C chuyển nhượng 01 phần đất của mình cho con thì năm 2007 ông Đ làm đơn gửi UBND xã E, huyện K giải quyết và sau đó năm 2008 ông Đ đã khởi kiện ra Tòa án và nay ông Đ vẫn giữ nguyên những nội dung khởi kiện:

1. Đòi lại quyền sử dụng đất diện tích 16.090,7m^2 (theo số liệu đo đạc ngày 21/12/2011 trong đó có một phần được cấp GCNQSDĐ cho bà T, ông K (GCNQSDĐ số AC 486778 diện tích 6.720m^2); cho ông Trần Minh L (GCNQSDĐ số K520098 và K520099 diện tích 6.717m^2). Tổng diện tích đã được cấp GCNQSDĐ là 13.437m^2, diện tích còn lại 2653,7m^2 chưa được cấp GCNQSDĐ.

2. Đòi lại tài sản gắn liền trên đất bao gồm: 1.800 cây cà phê và 06 cây mít. Năm 2012 ông Phan Huy K đã chặt bỏ 16 cây cà phê để xây dựng nhà nên ông Trần Hậu Đ chỉ yêu cầu trả lại 1.784 cây cà phê kinh doanh và 06 cây mít. Đối với các tài sản như nhà gỗ ba gian hiện tại không còn nên ông Đ không có yêu cầu đối với các tài sản nêu trên.

3. Trả lại hoa lợi lợi tức trên đất từ năm 2007 đến năm 2016 là 10 năm 6.600kg x 10 năm = 66.000kg cà phê nhân xô.

4. Hủy một phần quyết định số 119/QĐ-UB ngày 23/6/1994 liên việc cấp giấy xác nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần Minh L; Hủy một phần quyết định số 176/QĐ-UB ngày 15/8/2007 liên quan đến việc cấp GCNQSDĐ cho ông Trần Minh L, bà Trần Thị C; Hủy quyết định của UBND huyện K về việc cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Phan Huy K ngày 22/02/2007.

5. Thu hồi và hủy GCNQSDĐ số AC 486778 mang tên hộ ông Phan Huy K ngày 22/02/2007; GCNQSDĐ số K520098 và số K520099 ngày 15/8/1997 cấp cho hộ ông Trần Minh L và hủy giấy xác nhận quyền sử dụng đất số 178/ĐK-TK-ĐĐ ngày 23/6/1994.

Trong quá trình giải quyết vụ án đại diện Ủy ban nhân dân huyện K là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ngày 23/6/1994, UBND huyện K đã cấp giấy xác nhận quyền sử dụng đất số 178 cho ông Trần Minh L.

Ngày 15/8/1997, UBND huyện K đã ban hành quyết định số 176/QĐ-UBND về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất kèm theo danh sách số thứ tự 13 đối với bà Trần Thị C, diện tích được cấp 6.720m^2 và số thứ tự 59 đối với ông Trần Minh L, diện tích được cấp 6.717m^2.

Trong tổ chức kê khai, đăng ký cấp giấy xác nhận quyền sử dụng đất (bìa trắng năm 1994) và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bìa đỏ năm 1997) cho nhân dân tại xã E thì UBND huyện K đã chỉ đạo UBND xã E thực hiện đúng thông tư số 302/TT-ĐKTK ngày 28/10/1989 của Tổng cục quản lý ruộng đất (nay là Bộ tài nguyên và môi trường) hướng dẫn thi hành quyết định số 201/QĐ-ĐKTK ngày 14/7/1989 của Tổng Cục quản lý ruộng đất về việc ban hành quy định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trong quá trình triển khai đã thực hiện việc niêm yết công khai theo quy định không có sự tranh chấp và khiếu nại của bất cứ tổ chức và cá nhân nào. Cho nên UBND huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần Minh L và bà Trần Thị C theo hồ sơ do UBND xã E thiết lập và trình UBND huyện K phê duyệt là hoàn toàn đúng theo quy định của pháp luật đất đai thời điểm đó.

Trong thời gian UBND xã E công khai hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L và bà C, UBND xã E không nhận được ý kiến thắc mắc, khiếu nại nên được Hội đồng xét đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Hồ sơ địa chính đã được thiết lập đầy đủ và lưu trữ tại 03 cấp (tỉnh, huyện, xã) bao gồm: Bản đồ giải thửa, sổ mục kê, sổ địa chính. Trong sổ mục kê và sổ địa chính có ghi đầy đủ tên ông Trần Minh L và bà Trần Thị C; bản đồ giải thửa (bản đồ địa chính) thể hiện các thửa đất của ông L và bà C theo đúng sổ mục kê và sổ địa chính; hồ sơ địa chính được cơ quan có thẩm quyền ký công nhận theo quy định.

Quan điểm của UBND huyện K đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: ông Trần Hậu Đ không có các giấy tờ liên quan đến nguồn gốc lô đất mà ông đang khởi kiện (không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất, không có giấy tờ gửi giữ tài sản). Cho nên, việc ông yêu cầu hủy quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Minh L và bà Trần Thị C là không có cơ sở giải quyết. Phía ủy ban không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hậu Đ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập cho bị đơn ông Trần Minh L, bà Trần Thị C; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Huy K, bà Trần Thị Thanh T và Ủy ban nhân dân huyện K đến để trình bày ý kiến để giải quyết vụ án nhưng đều vắng mặt.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 01/2017/DS-ST ngày 09/6/2017, Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Áp dụng Điều 166, Điều 167 Luật đất đai 2013; Điều 221; Điều 223 Bộ luật dân sự; Điều 26, Điều 27, Điều 34, Điều 37, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội. Pháp lệnh 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của ông Trần Hậu Đ.

1. Buộc ông Trần Minh L, bà Trần Thị C, ông Phan Huy K, bà Trần Thị Thanh T phải giao trả cho ông Trần Hậu Đ diện tích đất là 16.090,7m^2 và tài sản gắn liền trên thửa đất tại thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

1.1 . Diện tích đất có tứ cận như sau:

- Phía Tây giáp đường đi liên xã dài 66,21m.

- Phía Đông giáp đập nước có các cạnh dài: 91,05m + 21,61m.

- Phía Nam giáp đất ông Lê Văn L2 dài: 345,54m.

- Phía Bắc giáp đất ông Hồ Viết Th có các cạnh dài: 20,65m + 155,64m + 67,74m.

(Có đặc điểm như trích lục bản đồ địa chính ngày 21/12/2011 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện K).

1.2. Tài sản gắn liền trên thửa đất gồm: 2.011 cây cà phê; Hệ thống cổng, tượng ra và sân phơi xây dựng mới, giếng nước và bể chứa nước; 116 cây muồng đen; 04 cây bơ; 14 cây mít; 90 trụ tiêu; 01 căn nhà cấp 4, gác lửng, xây dựng năm 2012 diện tích 132m^2.

2. Hủy giấy xác nhận quyền sử dụng đất số 178 ngày 23/6/1994 của UBND huyện K đã xác nhận cho ông Trần Minh L.

3. Hủy một phần quyết định số 176/QĐ/UB ngày 15/8/1997 của UBND huyện K về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo danh sách thứ tự 13 đối với bà Trần Thị C diện tích được cấp 6.720m^2 và số 59 đối với ông Trần Minh L được cấp diện tích 6.717m^2.

4. Thu hồi và hủy bỏ giá trị pháp lý của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K520098 do UBND huyện K cấp ngày 15/8/1997 cho ông Trần Minh L đối với thửa đất số 191a, tờ bản đồ số 35, diện tích 1.123m^2, tọa lạc tại thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K520099 do UBND huyện K cấp ngày 15/8/1997 cho ông Trần Minh L đối với thửa đất số 174, tờ bản đồ số 35; diện tích 5.594m^2; tọa lạc tại thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số AC486778 cấp ngày 22/02/2007 do UBND huyện K cấp cho hộ ông Phan Huy K đối với thửa đất số 04, 172 (liền kề); tờ bản đồ số 35, 41; diện tích 6.720m^2; tọa lạc tại thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

5. Buộc ông Trần Hậu Đ phải thanh toán lại cho bà Trần Thị C, ông Trần Minh L, ông Phan Huy K, bà Trần Thị Thanh T giá trị tài sản hình thành sau khi giao đất là 508.572.000đ (Năm trăm linh tám triệu, năm trăm bảy, mươi hai ngàn đồng).

6. Bác yêu cầu của ông Trần Hậu Đ về việc buộc ông Trần Minh L bà Trần Thị C, ông Phan Huy K, bà Trần Thị Thanh T trả lại hoa tức cây trồng từ năm 2007 đến 2016 là 22.000kg cà phê nhân xô.

7. Về chi phí giám định chữ ký:

Ông L, bà C phải chịu số tiền giám định là 400.000đ. Ông Đ được nhận lại số tiền đã nộp 400.000đ sau khi thu được từ ông L, bà C.

8. Về chi phí giám định tài sản, chi phí giám định sản lượng cà phê và chi phí thẩm định:

Buộc ông Trần Hậu Đ phải chịu l.000.000đ; ông Trần Minh L, bà Trần Thị C phải chịu l.000.000đ; ông Phan Huy K, bà Trần Thị Thanh T phải chịu 780.000đ. Ông Đ được nhận lại 1.780.000đ sau khi thu được từ ông Trần Minh L, bà Trần Thị C, ông Phan Huy K, bà Trần Thị Thanh T.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và tuyên quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 23/6/2017, ông Trần Hậu Đ kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Ngày 18/7/2017, bị đơn bà Trần Thị C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 19/7/2017, đại diện theo ủy quyền của UBND huyện K ông Châu Văn Lượm kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 01/2017/DSST ngày 09/6/2017 của tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Tại Quyết định số 13/2017/KN-DS-VC2 ngày 07/7/2017 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị: Đề nghị hủy bản án sơ thẩm, giao về cấp sơ thẩm xét xử lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại Đà Nẵng, đề nghị: Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk để giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND huyện K cho rằng: Bản án sơ thẩm hủy các Giấy xác nhận quyền sử dụng đất và các sổ đỏ theo quyết định của bản án sơ thẩm là không đúng pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ lời trình bày, ý kiến tranh tụng của các bên, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy:

Năm 1992, ông Trần Hậu Đ nhận chuyển nhượng các phần diện tích đất của ông Đoàn Hữu Thành, ông Nguyễn Đ1 diện tích đất 18.000m^2. Trên phần đất nhận chuyển nhượng của ông Th có một nhà gỗ 3 gian, sân phơi, cây ăn trái; phần đất nhận chuyển nhượng có 700 cây cà phê, nhà ở, giếng nước, cây ăn trái tọa lạc tại thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Năm 1994, ông Đ đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài. Toàn bộ diện đất, tài sản, cây trồng giao cho bà Trần Thị C, ông Trần Minh L (là chị gái và anh rể) giữ dùm. Năm 2002 ông Đ về nước, đến năm 2007 khi biết được diện tích đất, tài sản gắn liền với diện tích đất gởi bà C, ông L được ông L, bà C tặng cho con là Phan Huy K nên ông khởi kiện đến Tòa án. Tòa án cấp sơ thẩm xác định toàn bộ diện tích đất theo trích lục bản đồ địa chính ngày 21/12/2011 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện K cung cấp hiện do ông L, bà C, anh Phan Huy K, chị Trần Thị Thanh T quản lý sử dụng là diện tích đất, tài sản gắn liền với đất mà anh Trần Hậu Đ nhận chuyển nhượng hợp pháp từ ông Đoàn Hữu Th và ông Nguyễn Đ1 là có đầy đủ căn cứ, đúng pháp luật. Bà Trần Thị C, ông Trần Minh L cho rằng: ông Đ đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất, tài sản cho ông, bà trước khi ông Đ đi xuất khẩu lao động nhưng ông Đ phủ nhận ông L, bà C không chứng minh và xuất trình căn cứ, chứng lý để xác nhận việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tài sản trên đất với diện tích đất, tài sản trên đất đang tranh chấp. Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông L, bà C, anh K, chị T giao trả các phần đất đang quản lý, sử dụng và tài sản trên đất theo trích lục bản đồ địa chính ngày 21/12/2011 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện K cho anh Trần Hậu Đ là có đủ cơ sở và đúng pháp luật.

Do xác định đúng quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên đất, toàn bộ diện tích đất đang tranh chấp. Vì vậy Tòa án sơ thẩm hủy Giấy xác nhận Quyền sử dụng đất số 178 ngày 23/6/1994 và một phần Quyết định số 176/QĐ/UB ngày 15/8/1998 của UBND huyện K; Thu hồi, hủy bỏ các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K520098 ngày 15/8/1997, số K52099 ngày 15/8/1997, số AC 486778 ngày 22/02/2007 do UBND huyện K cấp là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét thấy tại thời điểm giao quyền quản lý, sử dụng đất và tài sản trên đất; giữa ông Đ, ông L, bà C không có thỏa thuận về thụ hưởng hoa lợi, lợi ích cùng

công sức tôn tạo, duy tu... đối với quyền sử dụng đất, tài sản trên đất. Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hậu Đ về khoản buộc bị đơn và người liên quan hoàn trả hoa lợi, lợi tức từ năm 2007 đến thời điểm tranh chấp là đúng pháp luật.

Về công sức gìn giữ, tôn tạo diện tích đất và tài sản trên đất; ông Trần Hậu Đ nhận chuyển nhượng diện tích đất của ông Đoàn Hữu Th, ông Nguyễn Đ1 đều có tài sản là nhà ở và các công trình phụ; đất được nhà nước giao quyền sử dụng cho ông Th, ông Đ1 theo diện di dân kinh tế mới. Gia đình bà C không làm thủ tục chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất thổ cư, không thực hiện nghĩa vụ tài chính chuyển mục đích sử dụng đất. Gia đình bà C sử dụng, quản lí, thu lợi tức, hoa lợi nên việc thực hiện nghĩa vụ về thuế sử dụng đất là đương nhiên. Tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của phía bị đơn về khoản công sức gìn giữ, tôn tạo đất là có cơ sở.

Đối với tài sản gắn liền với đất: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc ông Trần Minh L, bà Trần Thị C, anh Phan Huy K, chị Trần Thị Thanh T giao trả cho ông Trần Hậu Đ diện tích đất 16.090.7m² và tài sản gắn liền với diện tích đất rất cụ thể theo điểm 1.2 của Quyết định bản án sơ thẩm. Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm ông L, bà C, anh K, chị T không hợp tác với Tòa án để xem xét thẩm định tại chỗ về tài sản trên đất. Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Biên bản định giá, thẩm định xem xét tại chỗ xác định các loại tài sản ông L, bà C, anh K, chị T tạo dựng; ông Đ hoàn trả theo giá trị bằng tiền tổng cộng là 508.572.000đồng cho ông L, bà C, anh K, chị T là có căn cứ, đúng pháp luật. Như trên đã phân tích, do bị đơn, người liên quan không hợp tác nên Tòa án cấp sơ thẩm không có cơ sở để phân chia cụ thể cho từng người. Trong quá trình thi hành án nếu các bên không thỏa thuận được số tiền ông Đ hoàn trả thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy: Nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát cấp cao tại Đà Nẵng, nội dung kháng cáo của bà Trần Thị C, ông Trần Hậu Đ và UBND huyện K, tỉnh Đắk Lắk không có cơ sở để chấp nhận. Bà Trần Thị C, ông Trần Hậu Đ và UBND huyện K, tỉnh Đắk Lắk phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên ,

Căn cứ khoản 1 điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, kháng cáo ông Trần Hậu Đ, kháng cáo của bà Trần Thị C và kháng cáo của UBND huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Giữ nguyên bản án số 01/2017/DSST ngày 09/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất"; giữa nguyên đơn: ông Trần

Hậu Đ, bị đơn: bà Trần Thị C, ông Trần Minh L, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: UBND huyện K, anh Phan Huy K, chị Trần Thị Thanh T.

Án phí dân sự phúc thẩm: ông Trần Hậu Đ phải nộp 300.000 đồng, được trừ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2016/0004424 ngày 24/7/2017; UBND huyện K phải nộp 300.000 đồng, được trừ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2016/0004426 ngày 28/7/2017; bà Trần Thị C phải nộp 300.000 đồng, được trừ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2016/0004425 ngày 27/7/2017. Các biên lai nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đều tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Bá Sơn

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Bường **Phạm Tấn Hoàng** **Nguyễn Văn Tiến**